

Số: 119/BC-SNNPTNT

Kiên Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện vốn đầu tư công đến 30/3/2021 do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

Vốn đầu tư công được giao đến thời điểm báo cáo là 543.230 triệu đồng. Khối lượng thực hiện lũy kế từ đầu năm đến 30/3/2021 được 114.554 triệu đồng đạt 21,1% kế hoạch năm và giá trị giải ngân lũy kế được 114.359 triệu đồng đạt 21,1% kế hoạch.

Trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương: Giá trị khối lượng thực hiện được 95.862/383.000 triệu đồng, đạt 25,0% kế hoạch; Giá trị giải ngân được 95.862/383.000 triệu đồng, đạt 25,0% kế hoạch

+ Vốn cân đối ngân sách địa phương: Giá trị khối lượng thực hiện được 18.692/160.230 triệu đồng, đạt 11,7% kế hoạch; Giá trị giải ngân được 18.497 /160.230 triệu đồng, đạt 11,5% kế hoạch.

- Ước khối lượng thực hiện đến 30/4/2021 là 181.000 triệu đồng đạt 33,3% kế hoạch năm và giá trị giải ngân được 181.000 triệu đồng đạt 33,3% kế hoạch.

- Ước khối lượng thực hiện đến 31/12/2021 là 543.230/543.230 triệu đồng đạt 100% kế hoạch năm và giá trị giải ngân được 543.230/543.23 triệu đồng đạt 100% kế hoạch.

(Kèm theo phụ biểu báo cáo chi tiết tiến độ từng dự án)

- Về các nguồn vốn chuyển nguồn từ năm 2020 sang năm 2021 tiếp tục thực hiện, thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình theo yêu cầu (Tờ trình số 102/TTr-SNNPTNT ngày 09/3/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đến thời điểm báo cáo chưa có quyết định chuyển nguồn.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công đến 30/3/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dũng



BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 119/BC-SNNPTNT ngày: 30 tháng..... năm 2021 của Sở Nông nghiệp & PTNT Kiên Giang

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT		KẾ HOẠCH 2021	ƯỚC KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 30/3/2021				ƯỚC TH VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 30/4/2021				ƯỚC TH VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 31/12/2021				Ghi chú
			GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KLTH SO VỚI KH	CẤP PHÁT	TỶ LỆ % KLTH SO VỚI CP	GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KL THỰC HIỆN	CẤP PHÁT	TỶ LỆ % CẤP PHÁT	GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KL THỰC HIỆN	CẤP PHÁT	TỶ LỆ % CẤP PHÁT	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	NGUỒN VỐN ĐƯỢC GIAO	543.230	114.554	21,1	114.359	21,1	181.000	33,3	181.000	33,3	543.230	100,0	543.230	100,0	
1	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	383.000	95.862	25,0	95.862	25,0	151.000	39,4	151.000	39,4	383.000	100,0	383.000	100,0	
2	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	160.230	18.692	11,7	18.497	11,5	30.000	18,7	30.000	18,7	160.230	100,0	160.230	100,0	



BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 119/BC-SNNPTNT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Sở Nông nghiệp & PTNT Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lấy kế từ khởi công đến 31/12/2020		Kế hoạch năm 2021	THTH từ đầu năm đến 30/3/2021		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 30/3/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 30/4/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/12/2021		TIỀN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - ĐP																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
TỔNG SỐ										543.230	114.554	114.359	21,1	21,1	181.000	181.000	33,3	33,3	543.230	543.230	100,0	100,0	
VỐN TRUNG ƯƠNG										383.000	95.862	95.862	25,0	25,0	151.000	151.000	39,4	39,4	383.000	383.000	100,0	100,0	
AA	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)								178.000	71.761	71.761	40,3	40,3	111.000	111.000	62,4	62,4	178.000	178.000	100,0	100,0		
A	DANH MỤC KẾ HOẠCH 2016-2020 CHUYỂN TIẾP THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025								178.000	71.761	71.761	40,3	40,3	111.000	111.000	62,4	62,4	178.000	178.000	100,0	100,0		
I	NGÀNH/LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ								178.000	71.761	71.761	40,3	40,3	111.000	111.000	62,4	62,4	178.000	178.000	100,0	100,0		
	Thực hiện dự án								178.000	71.761	71.761	40,3	40,3	111.000	111.000	62,4	62,4	178.000	178.000	100,0	100,0		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021								75.000	10.357	10.357	13,8	13,8	37.500	37.500	50,0	50,0	75.000	75.000	100,0	100,0		
1	Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải	KH	2017-2022	2281; 30/10/2017; 233; 29/01/2021	120.000	108.000	58.000	58.000	20.000			0,0	0,0	5.000	5.000	25,0	25,0	20.000	20.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công phần thân đập bê tông	
2	Kè chống sạt lở khu vực Mũi Rành huyện An Biên	AB	2018-2021	2430; 31/10/2018;	75.000		62.500	62.500	12.500			0,0	0,0	7.500	7.500	60,0	60,0	12.500	12.500	100,0	100,0	Đang triển khai thi công. Dự kiến trong quý II/2021 sẽ hoàn thành, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.	
3	Dự án kè chống sạt lở bờ biển khu vực Hòn Quáo, huyện Hòn Đất	HD	2019-2021	759; 26/3/2020	100.000		80.000	80.000	20.000			0,0	0,0	10.000	10.000	50,0	50,0	20.000	20.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công. Dự kiến trong quý II/2021 sẽ hoàn thành, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.	
4	Kè chống sạt lở khu vực Xẻo Nhàu huyện An Minh	AM	2020-2024	1372; 15/6/2020	85.000		62.500	62.500	22.500	10.357	10.357	46,0	46,0	15.000	15.000	66,7	66,7	22.500	22.500	100,0	100,0	Đang triển khai thi công. Dự kiến trong quý II/2021 sẽ hoàn thành, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021								103.000	61.404	61.404	59,6	59,6	73.500	73.500	71,4	71,4	103.000	103.000	100,0	100,0		
1	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang dạng mục: công T3-Hòa Điền	KG	2019-2023	2516 UBND; 31/10/2019	1.484.000	1.484.000	74.400	74.400	80.000	61.404	61.404	76,8	76,8	70.000	70.000	87,5	87,5	80.000	80.000	100,0	100,0	Đã bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công trong tháng 3/2021	
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Chu	PQ	2016-2020	2590; 30/10/2015.	154.189	154.189	27.434	27.434	23.000			0,0	0,0	3.500	3.500	15,2	15,2	23.000	23.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công các hạng mục trên bờ (nhà quản lý, đường, hàng rào...)	
BB	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)								205.000	24.101	24.101	11,8	11,8	40.000	40.000	19,5	19,5	205.000	205.000	100,0	100,0		
B	NGÀNH/LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG								205.000	24.101	24.101	11,8	11,8	40.000	40.000	19,5	19,5	205.000	205.000	100,0	100,0		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021								205.000	24.101	24.101	11,8	11,8	40.000	40.000	19,5	19,5	205.000	205.000	100,0	100,0		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế từ khởi công đến 31/12/2020		Kế hoạch năm 2021	THTH từ đầu năm đến 30/3/2021		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 30/3/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/4/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 30/4/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/12/2021		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - ĐP																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	432.960	158.958	158.958	135.000	24.101	24.101	17,9	17,9	40.000	40.000	29,6	29,6	135.000	135.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công 09 công, dự kiến trong quý II/2021 sẽ hoàn thành. Đã bàn giao mặt bằng 10km cho đơn vị trúng thầu để triển khai thi công và đang triển khai các gói thầu sinh kế.
2	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT)	TT	2018-2022	2731; 10/11/2015; 1100; 15/5/2019	313.499	111.220	47.193	47.193	70.000			0,0	0,0			-	-	70.000	70.000	100,0	100,0	Các triển khai các gói thầu xây lắp và đang chuẩn bị mời thầu các gói thầu xây lắp tiếp theo
NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG									160.230	18.692	18.497	11,7	11,5	30.000	30.000	18,7	18,7	160.230	160.230	100,0	100,0	
VỐN BỔ TRÍ ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM									160.230	18.692	18.497	11,7	11,5	30.000	30.000	18,7	18,7	160.230	160.230	100,0	100,0	
I Ngành, lĩnh vực Nông nghiệp									120.900	8.363	8.168	6,9	6,8	15.000	15.000	12,4	12,4	120.900	120.900	100,0	100,0	
(1) Các dự án dự chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025									120.900	8.363	8.168	6,9	6,8	15.000	15.000	12,4	12,4	120.900	120.900	100,0	100,0	
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	TT	2018-2023	2409; 30/10/2018	96.346	96.346	60.881	60.881	15.000	5.499	5.499	36,7	36,7	7.500	7.500	50,0	50,0	15.000	15.000	100,0	100,0	
2	Dự án nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống HTCN liên xã huyện An Biên	AB	2019-2020	2526; 31/10/2019	59.984	59.984	25.000	25.000	30.900			0,0	0,0			-	-	30.900	30.900	100,0	100,0	Đang triển khai thi công từ đầu năm 2021
3	Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang	UMT	2019-2021	2527; 31/10/2019	30.000	30.000	8.500	8.500	20.000			0,0	0,0			-	-	20.000	20.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công từ đầu năm 2021
4	Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong-Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận	VT	2019-2021	2525; 31/10/2019	37.000	37.000	8.500	8.500	25.000			0,0	0,0			-	-	25.000	25.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công từ đầu năm 2021
5	Tru sở làm việc Trung tâm nước sạch VSMT nông thôn Kiên Giang	RG	2019-2021	376; 30/10/2019 SKH	14.998	14.998	8.511	8.511	5.000	2.864	2.669	57,3	53,4	3.500	3.500	70,0	70,0	5.000	5.000	100,0	100,0	
6	Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	109.373			25.000			0,0	0,0	4.000	4.000	16,0	16,0	25.000	25.000	100,0	100,0	Như trên
II Chỉ đầu tư từ nguồn vay lại, trả nợ gốc									39.330	10.329	10.329	26,3	26,3	15.000	15.000	38,1	38,1	39.330	39.330	100,0	100,0	
(1) Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021									39.330	10.329	10.329	26,3	26,3	15.000	15.000	38,1	38,1	39.330	39.330	100,0	100,0	
1	Vốn Chính phủ vay của nước ngoài về cho địa phương vay lại. Trong đó: - Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	109.373			39.330	10.329	10.329	26,3	26,3	15.000	15.000	38,1	38,1	39.330	39.330	100,0	100,0	Như trên